

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Methyl PROXITOL Acetate
Mã sản phẩm : U5126
Tên thông thường : 1-methoxy-2-propanol acetate, 1-methoxy-2-propyl acetate,
PGMEA, PMA
Số CAS : 108-65-6

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp : SHELL EASTERN CHEMICALS (S)
A REGISTERED BUSINESS OF SHELL EASTERN
TRADING (PTE) LTD (UEN:198902087C)
9 North Buona Vista Drive , #07-01
The Metropolis Tower 1
Singapore 138588
Singapore
Điện thoại : +65 6384 8269
Telefax : +65 6384 8454
Địa chỉ email liên lạc cho
SDS :

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +65 65429595 (Alert SGS)

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Dung môi.
Hạn chế khi sử dụng : Sản phẩm này phải không được sử dụng trong các ứng dụng
khác với những ứng dụng trên mà không có lời khuyên của
nhà cung cấp.

Các thông tin khác : PROXITOL là một nhãn hiệu do Shell Trademark
Management B.V & Shell Brands Inc. sở hữu và được sử
dụng bởi các công ty thành viên của tập đoàn Shell plc.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 3
Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm đơn (Đường
miệng) : Cấp 3 (Hệ thần kinh trung ương)

Các yếu tố nhãn theo GHS

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Hình đồ cảnh báo nguy cơ

:



Từ cảnh báo

:

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

:

TÁC HẠI VẬT LÝ:
H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu
chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa

:

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Để xa các nguồn nhiệt/ tia lửa/ lửa/ các bề mặt nóng.
Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu
nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống
cháy nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng
tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông
thoáng tốt.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/
bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P303 + P361 + P353 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA (hoặc tóc):
Nhanh chóng cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm hoá chất. Rửa
sạch da bằng nước/ vòi sen.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy:
P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng
khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ
nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng
chứa luôn đóng kín.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.
P235 Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

Việc thải bỏ:

P501 Sản phẩm thải loại và thùng chứa phải được đưa đến nơi
xử lý thích hợp hoặc thu hồi / tái chế theo đúng các quy định
của địa phương/ quốc gia nơi sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Các loại hơi nặng hơn không khí. Hơi có thể chuyển động trên mặt đất và tiếp cận những nguồn gây cháy nổ ở xa gây nên nguy cơ về hỏa hoạn. Thậm chí có tiếp đất và liên kết chính xác, vật liệu này vẫn có thể tích điện tĩnh. Nếu tích đủ điện tích, có thể xảy ra hiện tượng phóng điện tĩnh điện và bắt lửa các hỗn hợp hơi nước-không khí dễ cháy. Kích ứng nhẹ hệ hô hấp. Gây kích ứng nhẹ cho mắt. Sự tiếp xúc lặp lại có thể làm khô da hay nứt da.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Thành phần nguy hiểm

| Tên hóa học | Số CAS | Phân loại | Nồng độ (% w/w) |
|------------------------------|----------|-------------------------------------|-----------------|
| 1-Methoxy-2-acetoxyp propane | 108-65-6 | Flam. Liq.3; H226 STOT SE3; H336 | >= 99.8 |

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

Thông tin khác

Chứa:

| Tên hóa học | Số nhận dạng | Nồng độ (% w/w) |
|-----------------------------------|--------------|-----------------|
| 2-methoxypropyl acetate | 70657-70-4 | < 0.1 |
| 2-Methoxy-1-propanol | 1589-47-5 | <= 0.01 |
| 1-Methoxypropane-2-ol | 107-98-2 | <= 0.01 |
| đã được butyl hóa hydroxy toluene | 128-37-0 | <= 0.0025 |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến khu vực có không khí sạch. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt với nhiều nước. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

| | |
|--|---|
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa | : Nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn, tuy nhiên, vẫn nên xin chỉ dẫn y tế. |
| Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này | : Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói. Tiếp tục hít phải sản phẩm có thể bị bất tỉnh hoặc tử vong. Các dấu hiệu và triệu chứng da bị kích thích có thể là cảm giác bỏng rát, đỏ, hoặc sưng tấy. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt, phù nề, và/hoặc mờ mắt. Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy. |
| Bảo vệ người sơ cứu | : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh. |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị | : Hãy nhớ khám Bauc số hay ñeán trung tâm xâu lụy chaát ñoác. Xử lý theo triệu chứng. Gây suy yếu hệ thần kinh trung ương. |

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

| | |
|--|--|
| Các phương tiện chữa cháy thích hợp | : Bột chống cồn, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. |
| Các phương tiện chữa cháy không thích hợp | : Không có gì |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy | : Hơi này nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất và có khả năng bắt cháy từ xa. Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn. |
| Các phương pháp cứu hỏa cụ thể | : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất Sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực có hỏa hoạn. Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước. |
| Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa | : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khí lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469). |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tuân theo tất cả các qui định tương ứng của địa phương và quốc tế.
Thông báo cho nhà chức trách nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với dân chúng hay môi trường hay có thể sẽ có những sự tiếp xúc đó.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Hơi này nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất và có khả năng bắt cháy từ xa.
Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.
- : Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này.
Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây các nguy cơ cho con người. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác.
Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Thận trọng tránh sự phóng thích của tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị.
Thông gió toàn bộ khu vực bị nhiễm.
Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Đối với lượng hóa chất bị đổ nhiều (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe hút tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn bằng nước. Giữ lại xem như là chất thải đã bị nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp vào loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.
Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (< 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.
- Lời khuyên bổ sung khác : Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này
Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung : Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi sử dụng. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy xem Chương 8 của Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản Phẩm này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này. Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các qui định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu. Kho bồn chứa phải được che chắn. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Hiện tượng phóng điện tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục điện bằng cách áp dụng liên kết và tiếp đất (nối đất) tất cả các thiết bị nhằm giảm rủi ro. Hơi nước trong lớp không khí ở giữa của bình chứa có thể nằm trong phạm vi dễ cháy/nổ và vì vậy có thể cháy. Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn. KHÔNG sử dụng khí nén để nạp liệu, xả, hoặc xử lý.

Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.

Vận chuyển Sản phẩm : Tham khảo hướng dẫn trong phần Xử Lý.

Lưu trữ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Hơi này nặng hơn không khí. Hãy cảnh giác sự tích tụ trong các hốc và không gian giới hạn. Tham khảo phần 15 để biết về pháp chế cụ thể khác bao gồm vấn đề bao bì và điều kiện lưu trữ của sản phẩm này.

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với các thùng đựng, hay các lớp lót thùng đựng, sử dụng thép mềm, thép không gỉ. Vật liệu không phù hợp: Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su neopren hay cao su nitril.

Lời khuyên về Thùng chứa : Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.

(Các) Sử dụng cụ thể : Không áp dụng được

Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các qui định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.
Xem thêm tài liệu tham khảo về các thông lệ xử lý an toàn:
American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bất Lửa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Phát Sinh từ Dòng Điện Tĩnh, Dòng Điện Sét và Dòng Điện
Tần) hoặc National Fire Protection Agency 77 (Chuẩn Mục
Khuyến Nghị về Điện Tĩnh).
IEC TS 60079-32-1 : Nguy cơ điện giật, hướng dẫn

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần | Số CAS | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm) | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở |
|--------------------------------------|----------|---|---|-------|
| 1-Methoxypropane-2-ol | 107-98-2 | TWA | 50 ppm | ACGIH |
| 1-Methoxypropane-2-ol | | STEL | 100 ppm | ACGIH |
| đã được butyl hóa hydroxy toluene | 128-37-0 | TWA (Bụi hạt và hơi hít phải vào phổi) | 2 mg/m3 | ACGIH |

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Không có giới hạn về sinh học.

Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods
<http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods
<http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances
<http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany.
<http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:
Sử dụng các hệ thống được nắp kín càng tốt.
Đảm bảo sự thông gió chống nỏ phù hợp để kiểm soát nồng độ ngưng đọng trong không khí ở dưới mức độ phơi nhiễm theo hướng dẫn/giới hạn. 0
Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.
Các dụng cụ giám sát cần mạnh và các hệ thống xịt được

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

kiến nghị sử dụng.

Rửa mắt và tắm vòi sen trong trường hợp sử dụng khẩn cấp.
Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị
hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ
cao trong không khí.

Thông tin chung:

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như
rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống,
và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ
sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và
giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành
quản lý tốt.

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và
biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông
thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được
sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá
nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử
lý hoặc tái chế tiếp theo.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra
các nhà cung cấp PPE.

Bảo vệ hô hấp

: Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất
trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe
công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện
sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp.
Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng
độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxi, không gian hạn
chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ
lọc kết hợp phù hợp.
Nếu các thiết bị thở lọc khí thích hợp cho các điều kiện sử
dụng:
Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ [điểm sôi
>65 °C (149 °F)].

Bảo vệ tay

Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng
tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374,
Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo
vệ hóa học thích hợp: Sự bảo vệ dài hạn hơn: cao su butyl
Găng tay cao su nitril

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Sự bảo vệ cho tiếp xúc/Bắn tóe không chủ đích: Găng tay cao su nitril Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

- Bảo vệ mắt : Sản phẩm trong quá trình sử dụng có thể văng bắn vào mắt nên việc sử dụng kính bảo vệ mắt được khuyến cáo.
- Bảo vệ da và cơ thể : Không yêu cầu phải bảo vệ da trong những điều kiện sử dụng bình thường.
Khi có sự tiếp xúc kéo dài hay lặp lại, sử dụng các loại quần áo không thấm cho các phần trên cơ thể phải tiếp xúc.
Nếu có khả năng phơi nhiễm da thường xuyên và/hoặc kéo dài với chất, thì phải mang găng tay thích hợp đã qua kiểm tra EN374 và có các chương trình chăm sóc da dành cho nhân viên.

Mặc áo quần giảm tĩnh điện và làm chậm cháy nếu đánh giá rủi ro địa phương cho thấy là như vậy.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

- Lời khuyên chung : Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.
Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.
Thông tin về các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ có trong phần 6.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : Hóa chất dạng lỏng.
- Màu sắc : trong suốt

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

| | |
|-----------------------------------|--|
| Mùi đặc trưng | : Chứa Ête |
| Ngưỡng mùi | : Không áp dụng. |
| Độ pH | : Không áp dụng được |
| Điểm nóng chảy/ đông đặc | : -65 °C / -85 °F |
| Điểm sôi/khoảng sôi | : 143 - 149 °C / 289 - 300 °F |
| Điểm cháy | : 45 °C / 113 °F |
| Tỷ lệ hóa hơi | : 0.3 Phương pháp: ASTM D 3539, nBuAc=1 |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | : Không áp dụng. |
| Giới hạn trên của cháy nổ | : 7 %(V) |
| Giới hạn dưới của cháy nổ | : 1.5 %(V) |
| Áp suất hóa hơi | : 502 Pa (25 °C / 77 °F) |
| Tỷ trọng hơi tương đối | : 4.6 |
| Tỷ trọng tương đối | : 0.96 - 0.97 (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D4052 |
| Khối lượng riêng | : 967 kg/m ³ (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D4052 |
| Độ hòa tan | |
| Độ hòa tan trong nước | : 198 g/l (20 °C / 68 °F) |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | : log Pow: 1.2 |
| Nhiệt độ tự bốc cháy | : 333 °C / 631 °F |
| Nhiệt độ phân hủy | : Không áp dụng. |
| Độ nhớt | |
| Độ nhớt, động lực | : 1.23 mPa.s (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D445 |
| Độ nhớt, động học | : Không áp dụng. |
| Đặc tính cháy nổ | : Không áp dụng được |
| Đặc tính ôxy hóa | : Không áp dụng. |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

| | |
|---------------------|--|
| Sức căng bề mặt | : 27.6 mN/m, 20 °C / 68 °F |
| Tính dẫn | : Điện dẫn suất: > 10 000 pS/m Các yếu tố, như nhiệt độ chất lỏng, tạp chất, và chất phụ gia chống tĩnh điện có thể ảnh hưởng lớn đến tính dẫn điện của chất lỏng., Vật liệu này không tích điện. |
| Kích thước hạt | : Không áp dụng. |
| Trọng lượng phân tử | : 132 g/mol |

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

| | |
|---|--|
| Khả năng phản ứng | : Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây. |
| Tính ổn định | : Dự kiến không có phản ứng nguy hiểm xảy ra khi xử lý và cất trữ theo các quy định. |
| Phản ứng nguy hiểm | : Phản ứng mạnh với các tác nhân oxy hóa mạnh. |
| Các điều kiện cần tránh | : Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác. Tránh không cho hơi tích tụ. Trong những hoàn cảnh nhất định sản phẩm có thể bốc cháy do tĩnh điện. |
| Vật liệu không tương thích | : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh. |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : Phân hủy nhiệt phụ thuộc vào các điều kiện. Một hỗn hợp các chất rắn, chất lỏng và chất khí bao gồm cacbon monoxide, cacbon dioxide, sulphur oxide và các hợp chất hữu cơ không xác định có thể được sinh ra khi vật liệu này bị đốt cháy, gia nhiệt hoặc oxy hoá. |

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

| | |
|-------------------|--|
| Cơ sở để Đánh giá | : Thông tin đã cho là dựa vào kiểm tra sản phẩm. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ. |
| Đường tiếp xúc | : Phơi nhiễm có thể qua đường hô hấp, nuốt phải, thấm qua da, tiếp xúc với da hoặc mắt và do sơ suất nuốt phải |

Độc cấp tính

Thành phần:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Độc tính cấp theo đường
miệng : LD50 : > 5000 mg/kg
Ghi chú: Có độc tính thấp

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: Có độc tính thấp khi hít vào.

Độc tính cấp qua da : LD50 : > 5000 mg/kg
Ghi chú: Có độc tính thấp

Ăn mòn/kích ứng da

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Không kích ứng da., Sự tiếp xúc kéo dài/lặp lại có thể làm mất mỡ trên da và có thể dẫn đến viêm da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho mắt., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Không phải là một chất gây nhạy cảm da.

Đốt biến tế bào mầm (tế bào gen)

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

: Ghi chú: Không gây đột biến., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Tác nhân gây ung thư

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Không phải là chất gây ung thư., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

| Vật liệu | GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại |
|------------------------------|--|
| 1-Methoxy-2-acetoxyp propane | Không phân loại có tính gây ung thư |
| 2-methoxypropyl acetate | Không phân loại có tính gây ung thư |
| 2-Methoxy-1-propanol | Không phân loại có tính gây ung thư |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

| | |
|-----------------------------------|--|
| 1-Methoxypropane-2-ol | Không phân loại có tính gây ung thư |
| đã được butyl hóa hydroxy toluene | Không phân loại có tính gây ung thư |
| Vật liệu | Khác Tác nhân gây ung thư Phân loại |
| đã được butyl hóa hydroxy toluene | IARC: Nhóm 3: Không xác định được tính gây ung thư ở người |

Độc tính sinh sản

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Không làm giảm độ phì nhiêu., Không phải là một chất độc phát triển.

STOT - Tiếp xúc một lần

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Hít vào hơi hay sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Thận: gây ảnh hưởng trên thận của chuột đực nhưng được coi là không tác dụng rõ đối với con người., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính hô hấp

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Không gây nguy hiểm khi hít vào

Thông tin khác

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane:

Ghi chú: Có thể có các phân loại của nhiều cơ quan khác theo các khung quy định pháp lý khác nhau.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá

: Các số liệu về độc tính đối với môi trường dựa trên thử

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

thực nghiệm với sản phẩm.

Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

Độc môi trường

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane :

Độc đối với cá (Độc cấp tính) : Ghi chú: Có độc tính thấp
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) : Ghi chú: Có độc tính thấp
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính) : Ghi chú: Có độc tính thấp
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính) : Ghi chú: Có độc tính thấp
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: NOEC/NOEL > 10 - <=100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: NOEC/NOEL > 100 mg/l

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane :

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Dễ phân hủy sinh học.
Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 1.2

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane :

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy hóa sinh nhiều.

Độ linh động trong đất

Thành phần:

1-Methoxy-2-acetoxyp propane :

Tính lưu động : Ghi chú: Tan trong nước., Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động cao và có thể làm ô nhiễm nước ngầm.

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn

: Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.
Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.
Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm

Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.
Các quy định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

MARPOL - Tham khảo Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm từ Tàu thuyền (MARPOL 73/78) cung cấp các khía cạnh kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền.

Bao bì nhiễm độc

: Làm sạch hoàn toàn thùng chứa.
Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ.
Không đục, cắt hay hàn những bình chứa chưa sạch.
Chuyển các thùng chứa này đến nơi tái chế phụ hoặc tái chế kim loại.

Công tác loại bỏ phải phù hợp với các quy định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

ADR

Số hiệu UN : 3272
Tên vận chuyển thích hợp : ESTERS, N.O.S.
(Propylene Glycol Monomethyl Ether Acetate)
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3
Số hiệu nguy hiểm : 30

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Nguy hại với môi trường : không

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3272

Tên vận chuyển thích hợp : ESTERS, N.O.S.
(Propylene Glycol Monomethyl Ether Acetate)

Hạng : 3

Nhóm hàng : III

Nhãn : 3

IMDG-Code

Số hiệu UN : UN 3272

Tên vận chuyển thích hợp : ESTERS, N.O.S.
(Propylene Glycol Monomethyl Ether Acetate)

Hạng : 3

Nhóm hàng : III

Nhãn : 3

Chất ô nhiễm đại dương : không

Vận tải hàng hải với số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Nhóm ô nhiễm : Z

Loại tàu : 3

Tên sản phẩm : Propylene glycol methyl ether acetate

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

Thông Tin Thêm : Có thể vận chuyển sản phẩm này trong nitơ. Nitơ là khí không mùi và không màu. Tiếp xúc với không khí giàu nitơ sẽ bị thiếu oxy gây ra ngạt hoặc chết. Nhân viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn khi làm việc trong khoang kín.
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải:

Nghị định 42/2020/NĐ-CP: Nghị định quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

Luật Hoá chất Việt Nam:

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ("Thông tư 32").

111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

| | |
|-------|----------------|
| AIIC | : Được liệt kê |
| DSL | : Được liệt kê |
| IECSC | : Được liệt kê |
| ENCS | : Được liệt kê |
| KECI | : Được liệt kê |
| NZIoC | : Được liệt kê |
| PICCS | : Được liệt kê |
| TSCA | : Được liệt kê |
| TCSI | : Được liệt kê |

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

| | |
|------|-------------------------------------|
| H226 | Hơi và chất lỏng dễ cháy. |
| H336 | Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt. |

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

| | |
|------------|--|
| Flam. Liq. | Chất lỏng dễ cháy |
| STOT SE | Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn |

Chữ viết tắt và từ viết tắt

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl PROXITOL Acetate

Phiên bản 6.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 24.11.2023

Ngày in 01.12.2023

chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin khác

- Tư vấn về đào tạo : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.
- Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng (I) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh (sửa đổi) so với phiên bản trước đây.
- Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272, v.v.).

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI